

THÔNG BÁO

Tình hình sinh vật gây hại tháng 6

(Từ ngày 16 tháng 5 đến ngày 15 tháng 6 năm 2023)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

- Nhiệt độ: Trung bình 30-32°C; cao: 35-38°C; thấp 26-28°C.
- Độ ẩm: 60-75%.

Nhận xét: Từ giữa đến cuối tháng 5 thời tiết xuất hiện các đợt nắng nóng kéo dài, không mưa; từ ngày 24/5 đến 26/5 có mưa vừa, mưa to kèm theo dông. Sang đầu tháng 6 có các đợt mưa vừa đến mưa to, kèm theo dông lốc. Giữa tháng 6 nắng nóng cục bộ gay gắt và xuất hiện xen kẽ các đợt mưa rào nhẹ.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Cây lúa		
+ Lúa xuân chính vụ	Chín sữa-chín sấp-thu hoạch	4.165,6
+ Lúa xuân muộn	Trỗ bông-chín sấp-thu hoạch	14.338,7
+ Mạ mùa	Mới gieo- 2,5 lá	194,98
+ Lúa mùa	Mới cấy	668
Ngô xuân	Chín sữa-chín sấp-thu hoạch	8.888,4
Cây lạc xuân	Củ già-thu hoạch	3.220,3
Cây cam	Phát triển quả	8.647,1
Cây bưởi	Phát triển quả	5.200,4
Cây nhãn	Phát triển quả	926,2
Cây chuối	Ra hoa-quả xanh-thu hoạch	2.173,42
Cây chè	Ra búp	8.467,5
Cây mía	Đẻ nhánh-vươn lóng	2.208
Cây keo	Rừng trồng (1-5 tuổi)	147.888,5
Cây bạch đàn	Rừng trồng (1-5 tuổi)	6.932,9

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI 1 THÁNG

1.1. Lúa xuân muộn (chín sữa-chín sấp-thu hoạch)

- Rầy nâu, rầy lưng trắng mật độ phổ biến 300-400 con/m², nơi cao 700-900 con/m². Diện tích nhiễm 3,5 ha tại huyện Na Hang.
- Sâu cuốn lá nhỏ gây hại rải rác, mật độ nơi cao 4-5 con/m². Trưởng thành xuất hiện mật độ nơi cao 2-3 con/m².
- Sâu đục thân gây hại rải rác, tỷ lệ ổ cục bộ 0,3-0,5%, số bông bạc.
- Bọ xít dài gây hại, mật độ phổ biến 2-3 con/m², nơi cao 6-10 con/m². Diện tích nhiễm 35 ha tại huyện Na Hang.
- Bệnh đạo ôn lá tồn tại trên các giống nhiễm BC15, TBR225, Đài Thơm 8, nếp, J02, Hà Phát 3, Nếp..., tỷ lệ hại phổ biến 1-3%, nơi cao 8-10%, cục bộ 10-15% số lá.
- Bệnh đạo ôn cổ bông gây hại cục bộ trên các giống nhiễm và trên các diện tích đã bị nhiễm đạo ôn lá, tỷ lệ hại nơi cao 1-3%. cục bộ 5-6% số bông.
- Bệnh khô vằn gây hại phổ biến 2-4%, tỷ lệ hại nơi cao 12-15% số dảnh, cục bộ 20-30% số dảnh. Diện tích nhiễm 84 ha tại huyện Na Hang.
- Bệnh đốm sọc vi khuẩn gây hại rải rác, nơi cao 3-5% số lá.
- Chuột gây hại rải rác, cục bộ nơi cao 3-5% số dảnh.

1.2. Mạ mùa (mới gieo-2,5 lá)

- Tập đoàn rầy, ruồi gây hại rải rác, mật độ nơi cao 8-10 con/m².
- Châu chấu gây hại rải rác, mật độ nơi cao 2-4 con/m².
- Sâu cuốn lá nhỏ gây hại mật độ nơi cao 1-2 con/m².
- Ốc bươu vàng gây hại rải rác.
- Bệnh nấm mốc, thối nhũn gây hại rải rác.

1.3. Lúa mùa (mới cấy): Sâu bệnh hại thấp.

2. Ngô xuân (chín sữa-chín sấp- thu hoạch)

- Rệp hại rải rác, nơi cao 3-5% số cây.
- Bệnh đốm lá hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 2-3% số lá.
- Bệnh khô vằn gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 4-6% số cây.

3. Lạc xuân (củ già-thu hoạch)

- Rầy xanh lá mạ gây hại rải rác, nơi cao 10-12 con/m²
- Bệnh đốm lá, rỉ sắt gây hại rải rác, nơi cao 4-6% số lá.

4. Cây cam (phát triển quả)

- Nhóm nhện nhỏ (nhện đỏ, nhện trắng, nhện rám vàng) gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 3-5% số lá, quả, cục bộ 10-20% số lá, quả. Diện tích nhiễm 47 ha tại huyện Hàm Yên.
- Sâu vẽ bùa, rệp gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 2-4% số lá.
- Bệnh ghẻ sẹo gây hại tăng, tỷ lệ hại phổ biến 2-4%, nơi cao 5-10% số lá, quả.

- Bệnh greening gây hại, nơi cao 4-5% số cây.
- Bệnh vàng lá thối rữa gây hại, nơi cao 3-5% số cây.
- Bệnh thán thư khô cành, bệnh xì mũ gây hại rải rác.

5. Cây bưởi (*phát triển quả*)

- Nhóm nhện nhỏ (nhện đỏ, nhện trắng, nhện rậm vàng) gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 4-5% số lá, số quả.

- Bọ trĩ gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 2-3% số lá, quả non.
- Rệp gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 3-4% số lá non.
- Bệnh ghẻ sọc, bệnh loét gây hại, tỷ lệ hại nơi cao 3-5% số lá.
- Bệnh greening, vàng lá thối rữa gây hại, nơi cao 3-5% số cây.
- Bệnh xì mũ gây hại rải rác.

6. Cây nhãn (*phát triển quả*)

- Bọ xít nâu gây hại rải rác, mật độ nơi cao 3-5 con/cành.
- Nhện lông nhung gây hại rải rác.
- Bệnh thán thư, bệnh sương mai gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 3-4% số lá.
- Bệnh chồi rồng gây hại rải rác.

7. Cây chuối (*ra hoa-quả xanh-thu hoạch*)

- Sâu đục thân (bọ vòi voi) gây hại rải rác.

- Bệnh chùn ngọn gây hại rải rác.

- Bệnh đốm lá tiếp tục gây hại cục bộ, tỷ lệ hại nơi cao 2-4% số lá, cục bộ 6-7% số lá.

- Bệnh héo rũ panama tiếp tục gây hại cục bộ, tỷ lệ hại nơi cao 3-4% số cây.

8. Cây chè (*ra búp*)

- Rầy xanh gây hại, tỷ lệ phổ biến 2-3%, nơi cao 8-10%, cục bộ 15-20% số búp. Diện tích nhiễm 68 ha tại huyện Hàm Yên, Yên Sơn.

- Bọ cánh tơ gây hại rải rác, nơi cao 3-4%, cục bộ 8-10% số búp. Diện tích nhiễm 86,5 ha tại huyện Hàm Yên, Yên Sơn.

- Bọ xít muỗi, nhện đỏ gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 3-4% số búp.

- Bệnh phòng lá chè, thối búp gây hại rải rác, nơi cao 2-3% số lá, số búp.

9. Cây mía (*để nhánh-vươn lóng*)

- Bọ hung gây hại rải rác, nơi cao 1 con/hố.
- Sâu đục thân gây hại rải rác, nơi cao 2-3% số cây.

10. Cây keo (*rừng trồng 1-5 tuổi*)

- Sâu nâu ăn lá gây hại rải rác, nơi cao 1-3% số lá.
- Bệnh thán thư gây hại rải rác, nơi cao 2-3% số lá.
- Bệnh chết héo gây hại cục bộ, tỷ lệ hại nơi cao 6-8% số cây.

11. Cây bạch đàn (*rừng trồng 1-5 tuổi*)

- Sâu ăn lá tiếp tục gây hại rải rác.

- Bệnh đốm lá, khô ngọn tiếp tục gây hại tỷ lệ hại phổ biến 2-3%, nơi cao 6-7% số cây.

12. Cây mỡ (rừng trồng 1-5 tuổi)

Sâu đục thân mình hồng trên cây mỡ gây hại cục bộ, tỷ lệ hại nơi cao 5-7% số cây.

III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Cây lúa

1.1. Mùa mùa (mới gieo-2,5 lá)

- Sâu đục thân gây danh héo rải rác, tỷ lệ hại nơi cao cục bộ 0,5-1% số danh.
- Sâu cuốn lá nhỏ gây hại rải rác, mật độ nơi cao 2-3 con/m².
- Tập đoàn rầy, ruồi gây hại rải rác, mật độ nơi cao 6-7 con/m².

1.2. Lúa mùa sớm và chính vụ (mới cấy-hồi xanh-đẻ nhánh)

- Ốc bươu vàng gây hại cục bộ, mật độ nơi cao 3-4 con/m², cục bộ 10-15 con/m².
- Tập đoàn rầy hại lá gây hại rải rác, mật độ trung bình 10-20 con/m², nơi cao 30-50 con/m².

- Rầy nâu, rầy lưng trắng lúa 4 gây hại rải rác, mật độ mật độ trung bình 20-30 con/m², nơi cao 100-300 con/m². Rầy lúa 5 nở và gây hại từ giữa tháng 7 trở đi.

- Bọ xít đen gây hại rải rác, mật độ nơi cao 2-3 con/m².

- Sâu cuốn lá nhỏ lúa 4 nở và gây hại từ cuối tháng 6, mật độ trung bình 3-5 con/m², nơi cao 10-15 con/m², cục bộ 20-30 con/m²; Trưởng thành cuốn lá nhỏ lúa 5 bắt đầu xuất hiện rải rác từ giữa tháng 7.

- Sâu đục thân 2 chấm lúa 3 gây danh héo, tỷ lệ hại nơi cao 0,5-1% số danh;

- Bệnh nghệt rễ gây hại cục bộ ở một số ruộng bón thiếu phân lân, phân chuồng, ruộng bón phân chưa hoại mục, ruộng chua trứng, trầm thụt, không chủ động nước và những ruộng làm đất chưa kỹ, gốc rạ còn tươi, tỷ lệ hại nơi cao 5-10 %, cục bộ 15-20% số khóm.

- Chuột gây hại cục bộ một số ruộng, tỷ lệ hại phổ biến 0,5-1%, nơi cao 3-5% số danh.

2. Cây ngô

*** Ngô xuân muộn (thu hoạch)**

- Rệp hại rải rác, nơi cao 3-5% số cây.
- Bệnh đốm lá hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 2-3% số lá.
- Bệnh khô vằn gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 4-6% số cây.

*** Ngô Hè Thu (mới trồng và 2-3 lá)**

- Châu chấu gây hại rải rác, nơi cao 1-3 con/m².
- Sâu keo mùa thu gây hại, mật độ phổ biến 1-2 con/m², nơi cao 4-8 con/m².
- Bệnh đốm lá gây hại rải rác.

3. Cây lạc Hè Thu (*mới trồng và 2-3 lá-phân cành*)

- Sâu khoang, sâu xám, sâu cuốn lá gây hại rải rác.
- Bệnh lở cổ rễ, bệnh đốm lá gây hại rải rác.

4. Cây cam (*phát triển quả*)

- Nhóm nhện nhỏ (nhện đỏ, nhện trắng, nhện rám vàng) gây hại tăng khi thời tiết nắng nóng, ít mưa, tỷ lệ hại phổ biến 2-4%, nơi cao 8-10% số lá, quả.
- Sâu vẽ bùa, rệp gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 2-3% số lá, số lộc.
- Ruồi đục quả gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 0,5-1% số quả.
- Bệnh ghẻ sẹo, bệnh loét tiếp tục phát sinh gây hại, tỷ lệ hại phổ biến 2-4%, nơi cao 6-8% số lá, quả.
- Bệnh greening, vàng lá thối rễ gây hại, nơi cao 2-5% số cây.
- Bệnh thán thư khô cành, bệnh xì mũ gây hại rải rác.

5. Cây bưởi (*phát triển quả*)

- Nhóm nhện nhỏ (nhện đỏ, nhện trắng, nhện rám vàng) gây hại phổ biến 2-4%, tỷ lệ hại nơi cao 5-10% số lá.
- Ruồi đục quả gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 0,5-1% số quả.
- Sâu vẽ bùa, rệp gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 1-2% số lá non, số lộc.
- Bệnh ghẻ sẹo, bệnh loét gây hại tăng sau các đợt mưa, tỷ lệ hại nơi cao 2-3% số lá.
- Bệnh greening, vàng lá thối rễ gây hại, nơi cao 2-3% số cây.
- Bệnh xì mũ gây hại trên quả non, thân, cành, tăng từ cuối tháng 4 trở đi sau các đợt mưa tỷ lệ hại nơi cao 1-2% số quả, cây.

6. Cây nhãn (*phát triển quả*)

- Bọ xít nâu gây hại tăng, mật độ phổ biến 1-2 con/cành, nơi cao 3-5 con/cành.
- Rệp sáp gây hại, tỷ lệ hại nơi cao 1-2% số cành.
- Nhện lông nhung gây hại rải rác.
- Bệnh sương mai, bệnh chồi rồng gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 0,1-0,2% số chùm quả.

7. Cây chuối (*ra hoa-quả xanh-thu hoạch*)

- Sâu đục thân (bọ vòi voi) gây hại rải rác, mật độ nơi cao 2-4% số cây.
- Bệnh chùn ngọn gây hại rải rác, mật độ nơi cao 3-4% số cây.
- Bệnh đốm lá tiếp tục gây hại cục bộ, tỷ lệ hại phổ biến 3-4%, nơi cao 5-7% số lá.
- Bệnh héo rũ panama gây hại cục bộ, tỷ lệ hại phổ biến 2-3%, nơi cao 5-8% số cây.

8. Cây chè (*ra búp*)

- Rầy xanh gây hại rải rác, tỷ lệ hại phổ biến 2-4%, nơi cao 8-10% số búp.

- Bọ xít muỗi gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 3-4% số búp.
- Bọ trĩ gây hại tăng rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 5-8%, cục bộ 8-15% số búp.
- Nhện đỏ gây hại tăng, tỷ lệ hại phổ biến 2-4%, nơi cao 5-10%, cục bộ 20-30% số lá.

- Bệnh đốm lá, thối búp chèn gây hại rải rác, nơi cao 3-4% số lá.

9. Cây mía (*đẻ nhánh-vươn lóng*)

- Bọ hung gây hại rải rác, nơi cao 1-2 con/hố.
- Sâu đục thân gây hại rải rác, nơi cao 2-3% số cây.
- Rệp bông xơ gây hại, tỷ lệ hại nơi cao 3-5% số cây.
- Bệnh than đen gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 1% số cây.

10. Cây keo (*rừng trồng 1-5 tuổi*)

- Bệnh chết héo tiếp tục gây hại cục bộ, tỷ lệ hại nơi cao 3-5% số cây, cục bộ 6-7% số cây.

- Bọ que gây hại rải rác, mật độ nơi cao cục bộ 3-5 con/cây.

11. Cây bạch đàn (*rừng trồng 1-5 tuổi*)

- Sâu ăn lá tiếp tục gây hại rải rác.
- Bệnh đốm lá, khô ngọn tiếp tục gây hại tỷ lệ hại phổ biến 3-4%, nơi cao 6-8% số cây.

12. Cây mỡ (*rừng trồng 1-5 tuổi*)

- Sâu đục thân mình hồng trên cây mỡ tiếp tục gây hại cục bộ, tỷ lệ hại nơi cao 10-20% số cây.

IV. ĐỀ NGHỊ

Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, Phòng Kinh tế thành phố và Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp, Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố chỉ đạo:

- Tiếp tục đôn đốc nhân dân đẩy nhanh tiến độ khẩn trương làm đất, gieo cấy lúa mùa và cây trồng khác trong khung thời vụ tốt nhất.

- Bám sát cơ sở, chủ động phối hợp với cán bộ chuyên môn của các xã, phường, thị trấn thường xuyên kiểm tra đồng ruộng và trên vườn, trên rừng, kịp thời phát hiện các đối tượng sâu, bệnh hại trên các loại cây trồng.

- Cần lưu ý một số đối tượng sinh vật hại cây trồng và chú trọng điều tra, hướng dẫn nhân dân biện pháp phòng, chống kịp thời. Cụ thể:

+ Tập đoàn rầy, sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, ốc bươu vàng, chuột hại lúa mùa, bệnh nấm mốc, thối nhũn, ... gây hại trên mạ.

+ Sâu keo mùa thu trên ngô Hè Thu.

+ Bệnh lở cổ rễ trên cây lạc Hè Thu.

+ Nhóm nhện nhỏ, bọ trĩ, bệnh sẹo, greening... trên cây cam, bưởi.

+ Bệnh đốm lá, héo rũ trên cây chuối.

+ Rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi trên cây chè.

+ Sâu đục thân, bọ hung, rệp bông xơ gây hại trên cây mía.

- + Bệnh chết héo, bọ que trên cây keo.
- + Bệnh đốm lá, khô ngọn trên cây bạch đàn.
- + Sâu đục thân trên cây mỡ.

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Tuyên Quang trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Cục BVTV;
- TT BVTV phía Bắc;
- Cục Thống kê;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Chi cục trưởng;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Phòng NN và PTNT huyện;
- Phòng Kinh tế thành phố;
- Trung tâm Dịch vụ NN huyện, TP;
- Trang thông tin điện tử Sở;
- Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố;
- Các phòng nghiệp vụ;
- Lưu: VT, KT.

(Báo cáo)

(P/h thực hiện)

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Mạnh Tú

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH

Trong tháng 6 năm 2023

Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước (+/-)	Số CKNT (+/-)	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
Nhóm cây: Cây ăn quả													
Cây có múi	Nhện nhỏ	Quả phát triển	5	20	33.5	13.5	0	47	0	1.5	-16	11.5	Hàm Yên
	Bệnh sọc (ghẻ nám)	Quả phát triển	5	10	2.5	0	0	2.5	0	2.5	-3	2.5	Hàm Yên
Nhóm cây: Cây CN lâu năm													
Chè	Bọ cánh tơ (bọ trĩ)	Búp non - thu hái	5 - 6	10 - 15	85.5	1	0	86.5	0	72.5	16	86.5	Yên Sơn, Hàm Yên
	Rầy xanh	Búp non - thu hái	5 - 6	10 - 15	66	2	0	68	0	54	-48	68	Yên Sơn, Hàm Yên
Nhóm cây: Cây lương thực													
Lúa xuân	Bệnh khô vằn	Phoi màu-chín sữa	5 - 10	20 - 30	0	84	0	84	0	12	21	84	Na Hang
	Bọ xít dài (hôi)	Phoi màu-chín sữa	4 - 6	8 - 10	35	0	0	35	0	-6	-6	12	Na Hang
	Rầy nâu + RLT	Phoi màu-chín sữa	700 - 900	1 - 1.5	0	3.5	0	3.5	0	-2	-53.5	3.5	Na Hang